

Lệnh tệp (File Commands)

Command	Mô tả
<code>cat [file]</code>	In nội dung tệp
<code>touch [file]</code>	Tạo tệp (hoặc cập nhật thời gian)
<code>cp [src] [dst]</code>	Sao chép tệp
<code>mv [src] [dst]</code>	Di chuyển/đổi tên tệp
<code>rm [file]</code>	Xóa tệp
<code>head [file]</code>	In 10 dòng đầu của tệp
<code>tail [file]</code>	In 10 dòng cuối của tệp
<code>tail -f [file]</code>	In 10 dòng cuối và theo dõi dòng mới

Lệnh thư mục (Directory Commands)

Command	Mô tả
<code>ls</code>	Liệt kê tệp trong thư mục hiện tại
<code>ls [dir]</code>	Liệt kê tệp trong thư mục [dir]
<code>ls -l</code>	Liệt kê tệp với chi tiết
<code>ls -a</code>	Liệt kê tất cả tệp (bao gồm ẩn)
<code>ls -al</code>	Liệt kê tất cả tệp với chi tiết
<code>pwd</code>	In thư mục làm việc hiện tại
<code>cd [dir]</code>	Chuyển sang thư mục [dir]
<code>cd ..</code>	Lên thư mục cha
<code>mkdir [dir]</code>	Tạo thư mục

<code>mkdir -p [dir]</code>	Tạo thư mục và thư mục cha nếu thiếu
<code>cp -r [src] [dst]</code>	Sao chép thư mục và nội dung
<code>mv [src] [dst]</code>	Di chuyển/đổi tên thư mục
<code>rmdir [dir]</code>	Xóa thư mục rỗng
<code>rm -r [dir]</code>	Xóa thư mục và nội dung

Bí danh thư mục (Directory Aliases)

Alias	Thư mục
<code>.</code>	Thư mục hiện tại
<code>..</code>	Thư mục cha
<code>~</code>	Thư mục chính (home)

Lệnh liên kết (Link Commands)

Command	Mô tả
<code>ln -s [target] [link]</code>	Tạo liên kết mềm (symbolic link)
<code>ln [target] [link]</code>	Tạo liên kết cứng (hard link)
<code>readlink -f [file]</code>	In đường dẫn tuyệt đối của tệp

Lệnh tìm kiếm (Search Commands)

Command	Mô tả
<code>grep [pattern] [file]</code>	Tìm mẫu trong tệp
<code>grep -r [pattern] [dir]</code>	Tìm mẫu đệ quy trong thư mục
<code>grep -i [pattern] [file]</code>	Tìm mẫu không phân biệt chữ hoa/thường
<code>grep -v [pattern] [file]</code>	Tìm dòng không khớp với mẫu
<code>grep -n [pattern] [file]</code>	Tìm và in số dòng khớp

<code>find [dir] -name [name]</code>	Tìm tệp trong [dir] bắt đầu bằng [name]
<code>find [dir] -type [type]</code>	Tìm tệp trong [dir] theo loại [type]

Lệnh quản trị viên (Superuser Commands)

Command	Mô tả
<code>sudo [cmd]</code>	Chạy lệnh với quyền root
<code>su</code>	Chuyển sang người dùng root
<code>su [user]</code>	Chuyển sang người dùng [user]

Lệnh quyền tệp (File Permission Commands)

Command	Mô tả
<code>chmod [mode] [file]</code>	Thay đổi quyền của tệp
<code>chmod u+x [file]</code>	Thêm quyền thực thi cho chủ sở hữu
<code>chmod 644 [file]</code>	Đặt quyền 644 (chủ đọc/ghi, nhóm và mọi người đọc)
<code>chmod -R g+w [dir]</code>	Thêm quyền ghi cho nhóm trong thư mục đệ quy
<code>chown [owner] [file]</code>	Thay đổi chủ sở hữu tệp
<code>chown -R [owner] [dir]</code>	Thay đổi chủ sở hữu thư mục đệ quy
<code>chown [owner]:[group] [file]</code>	Thay đổi chủ sở hữu và nhóm của tệp
<code>chgrp [group] [file]</code>	Thay đổi nhóm của tệp

Bit quyền tệp (File Permission Bits)

Bit	Mô tả
4	Đọc (r)
2	Ghi (w)
1	Thực thi (x)

Ghi chú: Số đầu tiên là chủ sở hữu, số thứ hai là nhóm, số thứ ba là mọi người. Ví dụ: 640 nghĩa là chủ đọc/ghi, nhóm đọc, mọi người không có quyền.

Loại người dùng quyền tệp (File Permission User Types)

Loại người dùng	Mô tả
u	Chủ sở hữu
g	Nhóm
o	Mọi người khác
a	Tất cả

Lệnh thông tin hệ thống (System Information Commands)

Command	Mô tả
df	Hiển thị mức sử dụng đĩa
df -h	Hiển thị mức sử dụng đĩa (MB/GB/TB)
du	Hiển thị mức sử dụng đĩa theo thư mục
du -h	Hiển thị mức sử dụng đĩa (MB/GB/TB)
free	Hiển thị mức sử dụng bộ nhớ
free -h	Hiển thị mức sử dụng bộ nhớ (MB/GB/TB)
uptime	Hiển thị thời gian hoạt động
whoami	Hiển thị người dùng hiện tại

<code>uname</code>	Hiển thị thông tin hệ thống
<code>uname -a</code>	Hiển thị tất cả thông tin hệ thống

Lệnh tắt/mở lại máy (Shutdown/Reboot Commands)

Command	Mô tả
<code>shutdown</code>	Tắt máy sau 1 phút
<code>shutdown now</code>	Tắt máy ngay lập tức
<code>shutdown 16:30</code>	Tắt máy lúc 16:30
<code>shutdown -c</code>	Hủy lệnh tắt máy đã lên lịch
<code>reboot</code>	Khởi động lại máy
<code>poweroff</code>	Tắt nguồn máy

Lệnh quản lý tiến trình (Process Commands)

Command	Mô tả
<code>ps</code>	Liệt kê tiến trình
<code>ps -ef</code>	Liệt kê tất cả tiến trình
<code>top</code>	Hiển thị tiến trình theo thời gian thực
<code>kill [pid]</code>	Chấm dứt tiến trình theo PID
<code>pkill [name]</code>	Chấm dứt tiến trình theo tên
<code>killall [name]</code>	Chấm dứt tất cả tiến trình theo tên

Lệnh SSH (Secure Shell Commands)

Command	Mô tả
<code>ssh-keygen</code>	Tạo cặp khóa SSH
<code>ssh-add [key]</code>	Thêm khóa SSH vào agent

<code>ssh-add -l</code>	Liệt kê khóa SSH trong agent
<code>ssh-copy-id [user]@[host]</code>	Sao chép khóa SSH đến [host] cho [user]
<code>ssh [host]</code>	Kết nối đến [host] với người dùng hiện tại
<code>ssh [user]@[host]</code>	Kết nối đến [host] với [user]
<code>scp [src] [host]:[dest]</code>	Sao chép tệp [src] cục bộ đến [dest] trên [host]
<code>scp [host]:[src] [dest]</code>	Sao chép tệp [src] từ [host] đến [dest] cục bộ

Lệnh quản lý gói (Package Management Commands)

Command	Mô tả
<code>apt install [pkg]</code>	Cài đặt gói
<code>apt remove [pkg]</code>	Xóa gói
<code>apt purge [pkg]</code>	Xóa gói và tệp cấu hình
<code>apt update</code>	Cập nhật danh sách gói
<code>apt upgrade</code>	Nâng cấp các gói
<code>apt search [term]</code>	Tìm kiếm gói

Lệnh khác (Other Commands)

Command	Mô tả
<code>echo [msg]</code>	In thông điệp ra stdout
<code>man [cmd]</code>	Hiển thị trang hướng dẫn cho [cmd]
<code>history</code>	Hiển thị lịch sử lệnh
<code>which [cmd]</code>	Tìm đường dẫn đến tệp thực thi [cmd]
<code>whereis [cmd]</code>	Tìm tệp nhị phân, mã nguồn, và trang hướng dẫn của [cmd]

Chuyển hướng (Redirection)

Command	Mô tả
<code>[cmd] > [file]</code>	Thay nội dung tệp bằng đầu ra của lệnh
<code>[cmd] >> [file]</code>	Thêm đầu ra của lệnh vào tệp
<code>[cmd] < [file]</code>	Chuyển hướng đầu vào từ tệp
<code>[cmd] 2> [file]</code>	Chuyển hướng stderr đến tệp
<code>[cmd] &> [file]</code>	Chuyển hướng stdout và stderr đến tệp

Ống dẫn (Piping)

Command	Mô tả
<code>[cmd1] [cmd2]</code>	Chuyển stdout của [cmd1] làm đầu vào cho [cmd2]

Phím tắt (Shortcuts)

Phím tắt	Mô tả
<code>Ctrl + C</code>	Dừng lệnh hiện tại
<code>Ctrl + A</code>	Đi đến đầu dòng
<code>Ctrl + E</code>	Đi đến cuối dòng
<code>Ctrl + K</code>	Cắt dòng hiện tại
<code>Ctrl + L</code>	Xóa màn hình

Cấu trúc thư mục (Directory Structure)

Thư mục	Mô tả
<code>/</code>	Gốc (root)
<code>/bin</code>	Chương trình nhị phân/thực thi
<code>/etc</code>	Tập cấu hình hệ thống

<code>/home</code>	Thư mục chính của người dùng
<code>/opt</code>	Phần mềm tùy chọn/bên thứ ba
<code>/tmp</code>	Tệp tạm thời
<code>/var</code>	Dữ liệu biến đổi
<code>/var/log</code>	Tệp nhật ký

Xem trực tiếp tại: [Linux Cheat sheet - DevOps Vietnam \(devops.vn\)](https://devops.vn)